

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VN VỀ CÁC
LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 48, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Lý Hồng An	1	53	7.0	Bảy	
2	Dương Đức Anh	2	99	7.0	Bảy	
3	Dương Thủy Anh	3	25	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Quang Anh	4	17	7.5	Bảy rưỡi	
5	Đặng Vĩnh Bắc	5	20	7.5	Bảy rưỡi	
6	Đỗ Hải Bằng	6	52	7.0	Bảy	
7	Lê Thanh Bình	7	90	7.5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Văn Canh	8	27	7.5	Bảy rưỡi	
9	Diệp Kiều Chanh	9	07	7.0	Bảy	
10	Trần Thị Tố Chinh	10	55	7.5	Bảy rưỡi	
11	Bạch Thị Tuyết Chinh	11	54	7.0	Bảy	
12	Tạ Văn Chung	12	22	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Phúc Công	13	01	7.0	Bảy	
14	Nguyễn Thị Thu Cúc	14	65	7.0	Bảy	
15	Trần Thị Kim Cúc	15	64	7.0	Bảy	
16	Trần Thị Dung	16	23	7.0	Bảy	
17	Nguyễn Văn Dũng	17	16	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thị Đào	18	02	7.5	Bảy rưỡi	
19	Dương Quốc Đông	19	36	7.5	Bảy rưỡi	
20	Vũ Thị Hồng Đông	20	107	7.5	Bảy rưỡi	
21	Bùi Anh Đức	21	66	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Trần Long Đức	22	35	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Việt Hà	23	14	8.0	Tám	
24	Dương Thanh Hà	24	21	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thị Việt Hà	25	12	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	26	85	7.5	Bảy rưỡi	
27	Trần Thị Kim Hạnh	27	-	-	-	Vắng thi
28	Nguyễn Thị Thu Hằng	28	97	7.5	Bảy rưỡi	
29	Lê Thị Thu Hiền	29	31	7.0	Bảy	
30	Bùi Thị Hoa	30	84	8.0	Tám	
31	Nguyễn Thị Hòa	31	05	8.0	Tám	
32	Phạm Xuân Hòa	-	-	-	-	Thôi học
33	Đào Thị Hoài	32	06	7.5	Bảy rưỡi	
34	Phạm Thị Thúy Hồng	33	08	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Phúc Huệ	34	96	7.5	Bảy rưỡi	
36	Dương Mạnh Hùng	35	89	8.0	Tám	
37	Bá Thị Thu Hưng	36	77	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Văn Hưng	37	43	7.0	Bảy	
39	Lê Thị Hương	38	101	7.5	Bảy rưỡi	
40	Dương Thị Thu Hương	39	104	7.0	Bảy	
41	Lương Ngọc Hương	40	92	7.0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Hường	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
43	Đông Thanh Hường	41	37	7.0	Bảy	
44	Trần Thị Hường	42	26	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Xuân Huy	43	51	7.0	Bảy	
46	Hoàng Thị Thu Huyền	44	67	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Thương Huyền	45	42	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Thành Lam	46	75	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Phương Lan	47	32	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	SBD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Chu Thị Thu Lan	48	63	7.5	Bảy rưỡi	
51	Dương Thị Phương Lan	49	70	7.5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Thị Thùy Linh	50	87	7.5	Bảy rưỡi	
53	Lý Thúy Loan	51	95	7.5	Bảy rưỡi	
54	Lê Thị Hà Loan	52	30	8.0	Tám	
55	Nguyễn Thị Long	53	49	7.5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Văn Lương	54	106	7.0	Bảy	
57	Đào Thị Mai	55	98	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Mai	56	88	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Thị Ngọc Mai	57	105	8.0	Tám	
60	Lê Thanh Minh	58	09	7.0	Bảy	
61	Dương Thị Mùi	59	46	7.0	Bảy	
62	Nguyễn Thành Nam	60	44	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Quỳnh Nga	61	68	7.0	Bảy	
64	Phùng Thị Tuyết Nga	62	18	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Thanh Ngà	63	81	8.0	Tám	
66	Dương Ngọc Nghiêm	64	57	7.0	Bảy	
67	Nguyễn Tuấn Ngọc	65	48	7.0	Bảy	
68	Hoàng Vân Ngọc	66	40	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Nhuận	67	03	7.5	Bảy rưỡi	
70	Bùi Thị Quỳnh Nhung	68	29	8.0	Tám	
71	Nguyễn Thị Kim Nhung	69	13	7.5	Bảy rưỡi	
72	Đỗ Minh Phương	70	10	7.0	Bảy	
73	Hoàng Thị Liên phương	71	73	7.5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Duy Phương	72	69	7.0	Bảy	
75	Nguyễn Xuân Quý	73	91	8.0	Tám	
76	Nghiêm Thị Quý	74	82	7.5	Bảy rưỡi	
77	Đặng Quang Quỳnh	75	04	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Trần Thị Như Quỳnh	76	24	8.0	Tám	
79	Mai Thị Thanh Quỳnh	77	102	7.5	Bảy rưỡi	
80	Hà Xuân Sơn	78	15	7.5	Bảy rưỡi	
81	Dương Đức Thanh	79	100	7.5	Bảy rưỡi	
82	Nguyễn Đăng Thanh	80	80	7.0	Bảy	
83	Dương Thị Thanh	81	74	7.0	Bảy	
84	Nguyễn Thị Thanh	82	45	7.0	Bảy	
85	Nguyễn Bá Thành	83	62	7.0	Bảy	
86	Nguyễn Đức Thành	84	50	7.0	Bảy	
87	Nguyễn Thị Minh Thiện	85	33	8.0	Tám	
88	Vương Thị Kim Thư	86	103	7.5	Bảy rưỡi	
89	Tạ Phương Thúy	87	47	7.5	Bảy rưỡi	
90	Trần Thị Thủy	88	94	7.0	Bảy	
91	Triệu Thu Trang	89	93	8.0	Tám	
92	Phạm Hồng Trường	90	38	7.0	Bảy	
93	Trương Viết Trường	91	76	7.5	Bảy rưỡi	
94	Hoàng Ngọc Tú	92	58	7.0	Bảy	
95	Trịnh Văn Tuấn	93	19	7.5	Bảy rưỡi	
96	Phạm Anh Tuấn	94	86	7.0	Bảy	
97	Hoàng Thị Kim Tuyến	95	78	7.0	Bảy	
98	Lương Trung Tuyến	96	61	7.0	Bảy	
99	Trần Thị Tuyết	97	60	7.5	Bảy rưỡi	
100	Nguyễn Thị Tuyết	98	83	7.5	Bảy rưỡi	
101	Nguyễn Thị Tý	99	56	8.0	Tám	
102	Hoàng Thị Vân	100	39	7.5	Bảy rưỡi	
103	Nguyễn Thị Vân	101	59	7.0	Bảy	
104	Lê Quảng Viễn	102	79	7.5	Bảy rưỡi	
105	Dương Quang Vinh	103	34	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
106	Nguyễn Hải Yến-1983	104	71	7.0	Bảy	
107	Nguyễn Hải Yến (A - 1981)	105	72	7.0	Bảy	
108	Lê Ngọc Hoa	106	41	7.0	Bảy	
109	Trần Hải Quân	107	28	7.5	Bảy rưỡi	
110	Nguyễn Thị Thanh Hoa	108	11	7.5	Bảy rưỡi	K47 chuyển sang

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

